

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/DS-ST.

Ngày : 17/7/2020.

V/v tranh chấp Hợp đồng  
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,**  
**TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết.

*Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Nguyễn Anh Trí.

2/ Bà Phan Thị Nhâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Lài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐST-DS ngày 11/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-DS ngày 30/6/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty SH

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lê Văn S – giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Đặng Thị Lệ T - chức vụ: Kế toán. Theo giấy ủy quyền ghi ngày 27/12/2019.

*Bị đơn:* 1/ Ông Nguyễn Văn H – sinh năm 1975.

2/ Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận.

Đương sự có mặt tại phiên tòa: Bà Đặng Thị Lệ T.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 27/12/2019, cũng như tại bản khai của nguyên đơn Công ty SH do bà Đặng Thị Lệ T đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Vào năm 2015 vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H1 có mua vật liệu xây dựng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của Công ty SH với tổng số tiền 74.793.000đồng ( Bảy mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng), trong đó tiền mua phân thuốc là 17.659.000; tiền mua vật liệu xây dựng là 57.134.000đồng. Khi mua thì ông H, bà H1 đến mua, còn tiền thì ghi nợ của Công ty chưa trả. Sau nhiều lần Công ty đến làm việc với ông H, bà H1 về việc trả nợ, nhưng ông H, bà H1 không trả mà chỉ ký giấy xác nH1 nợ với số tiền gốc là 74.793.000đồng (Bảy mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng) và tiền lãi là 15.862.000đ(tính đến ngày 20/09/2017) tổng cộng số tiền phải trả là 90.655.000đồng và hẹn đến ngày 20 tháng 12 năm 2017 sẽ trả hết nợ cho Công ty. Nhưng đến thời hạn ông H, bà H1 không trả nợ nên đến ngày 13/09/2019 bên đại diện công ty tiếp tục làm việc với ông H về việc trả nợ và ông H ký xác H1 tổng cộng số tiền còn nợ là 108.231.000đồng, trong đó tiền gốc là 74.793.000đồng, tiền lãi là 33.438.000đồng (tính từ ngày 28/12/2015 đến 13/9/2019). Nay Công ty SH yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho Công ty SH số tiền còn nợ tính đến ngày 13/9/2019 là 108.231.000đồng, trong đó tiền gốc là 74.793.000đồng, tiền lãi là 33.438.000đồng (tính từ ngày 28/12/2015 đến 13/9/2019) và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 1% kể từ ngày 14/9/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa, nhưng ông H, bà H1 vẫn không đến Tòa, nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như ghi lời khai, lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nH1 định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:*

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ mua vật liệu xây dựng và phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Đây là tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản. Bị đơn có địa chỉ tại xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận nên theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản

1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về nội dung*:

Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ tổng cộng là 108.231.000đồng, trong đó tiền gốc là 74.793.000đồng, tiền lãi là 33.438.000đồng (tính từ ngày 28/12/2015 đến 13/9/2019) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 1% trên số nợ gốc 74.793.000đồng kể từ ngày 14/9/2019 cho đến ngày xét xử là 10 tháng 03 ngày:  $74.793.000\text{đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng } 03 \text{ ngày} = 7.544.000\text{đ}$ . Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Giữa nguyên đơn Công ty SH với ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H1 có xác lập giao dịch dân sự mua bán hàng hóa. Ông H, bà H1 có xác nhận số tiền nợ Công ty SH theo Giấy xác nhận nợ dân vào ngày 20/9/2017 và ngày 13/9/2019 với nội dung có nợ số tiền nợ gốc 74.793.000đồng, tiền lãi phải trả tính đến ngày 13/9/2019 là 33.438.000đồng, tổng số tiền nợ phải trả là 108.231.000đồng. Nhưng đến nay ông H, bà H1 vẫn không thanh toán nợ cho Công ty.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H1 đã được tổng đạt hợp pháp các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, nhưng không trình bày ý kiến, tham gia phiên hòa giải, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không có yêu cầu phản tố, nên căn cứ vào nội dung Giấy xác nhận nợ dân ngày 20/9/2017 và ngày 13/9/2019 đã được các bên thỏa thuận ký kết về số tiền nợ và thời hạn thanh toán nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H1 không thực hiện nghĩa vụ đúng cam kết đã ký, tự từ bỏ quyền chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H1 phải trả tổng số tiền 108.231.000đồng, gồm số tiền nợ gốc là 74.793.000đồng và số tiền lãi 33.438.000đồng là hoàn toàn có căn cứ. Ngoài ra bên nguyên đơn yêu cầu ông H, bà H1 phải trả số tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc 74.793.000đồng kể từ ngày 14/9/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm lãi với mức lãi suất 1%/tháng thành tiền 7.544.000đ ( $74.793.000\text{đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng } 03 \text{ ngày} = 7.544.000\text{đ}$ ) là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, nên chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn Công ty SH được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công ty SH không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 207; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 351, Điều 352, Điều 353, Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Điều 27, Điều 30 Luật Hôn nhân gia đình;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty SH đối với ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H1.

Buộc Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H1 phải thanh toán cho Công ty SH tổng cộng số tiền 115.775.000đồng (Một trăm mười lăm triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), gồm số tiền nợ gốc là 74.793.000đồng (Bảy mươi bốn triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng), số tiền lãi là 40.982.000đồng (Bốn mươi triệu chín trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Về án phí:

Công ty SH không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty SH số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.705.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0028906 ngày 08/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 5.788.750 đồng (Năm triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/7/2020). Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nH1 được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại chính quyền địa phương.

*“ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nH1:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bạch Tuyết**